Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH: GIÁO SƯ

Mã hồ sơ: ……

(*Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó:* ☑*; Nội dung không đúng thì để trống:* □)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☑; Giảng viên thỉnh giảng ☐

Ngành: Công nghệ thông tin; Chuyên ngành: Khoa học máy tính

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Huỳnh Xuân Hiệp

2. Ngày tháng năm sinh: 17/02/1973 ; Nam ☑ ; Nữ ☐ ; Quốc tịch: Việt Nam……;

Dân tộc: Kinh ; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☑

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Xã Đông Phước A, Huyện Châu Thành, Tỉnh Hậu Giang.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố, phường, quận, thành phố hoặc xã, huyện, tỉnh: Số 167, Đường B3, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông, Trường Đại học Cần Thơ. Khu II, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại nhà riêng:..... ; Điện thoại di động: + 84 (0) 9 85 79 60 67;

E-mail: hxhiep@ctu.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ 10/1996 đến nay: Tập sự giảng dạy, giảng viên, phó giáo sư, giảng viên chính, giảng viên cao cấp. Giảng dạy và nghiên cứu tại Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông, Trường Đại học Cần Thơ.

Từ 10/1996 đến 08/1998: Học thạc sĩ tại Viện Tin học Pháp ngữ (l'Institute de la Francophonie pour l'Informatique).

Từ 10/2002 đến 05/2004: Phó trưởng bộ môn. Giảng dạy và nghiên cứu tại Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông, Trường Đại học Cần Thơ.

Từ 09/2003 đến 12/2006: Học tiến sĩ tại Trường Đại học bách khoa - Đại học Nantes (Cộng hòa Pháp).

Từ 06/2011 đến nay: Phó trưởng khoa. Giảng dạy và nghiên cứu tại Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông, Trường Đại học Cần Thơ.

Chức vụ: Hiện nay: Phó trưởng khoa; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó trưởng khoa.

Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công nghệ Thông tin & Truyền thông – Trường Đại học Cần Thơ.

Địa chỉ cơ quan: Khu 2, Đường 3/2, Phường Xuân Khánh, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ.

Điện thoại cơ quan: +84 (0) 29 23 73 47 14.

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): ……..…….…….

8. Đã nghỉ hưu từ tháng ……năm ……..……

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): ……..……..

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ): ……..…… ……

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 09 năm 1996; số văn bằng: A134742; ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học; Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường Đại học Cần Thơ, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 06 tháng 06 năm 2000; số văn bằng: 33IFI; ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học; Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Viện Tin học sử dụng tiếng Pháp, Việt Nam.

- Được cấp bằng TS ngày 12 tháng 12 năm 2007; số văn bằng: 6322356; ngành: Tin học, chuyên ngành: Tin học; Nơi cấp bằng TS (trường, nước): Đại học Nantes, Cộng hòa Pháp.

- Được cấp bằng TSKH ngày … tháng … năm ....; số văn bằng: ……..; ngành: …….; chuyên ngành: ……; Nơi cấp bằng TSKH (trường, nước): …….

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày 12 tháng 12 năm 2012, ngành: Công nghệ Thông tin

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Cần Thơ

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Giáo sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Công nghệ thông tin

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- Mô hình hóa quyết định (decision modeling).

- Mô hình hóa hệ thống thực ảo (cyber-physical system modeling).

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng): 02 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) ..... HVCH/CK2/BSNT bảo vệ thành công luận văn ThS/CK2/BSNT (ứng viên chức danh GS không cần kê khai nội dung này);

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 03…….. cấp Bộ/Tỉnh……. ;

- Đã công bố (số lượng) 120 bài báo khoa học, trong đó 27 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;

- Đã được cấp (số lượng) …… bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;

- Số lượng sách đã xuất bản 08, trong đó 08 thuộc nhà xuất bản có uy tín;

- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: …….

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu): Bằng khen Liên đoàn lao động (Ban chấp hành Liên đoàn lao động Thành phố Cần Thơ, 2008), Bằng khen Bộ trưởng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2011), Kỷ niệm chương vì sự nghiệp giáo dục (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2013), Kỷ niệm chương vì thế hệ trẻ (Ban chấp hành trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, 2013), Bằng khen Bộ trưởng (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2014) ……...

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): ……..

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không đang trong thời gian bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên hoặc thi hành án hình sự; trung thực, khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.

Tham gia giảng dạy với thời gian 23 năm (từ năm 1999) với thời gian được công nhận đạt chuẩn phó giáo sư là 9 năm (từ năm 2012) và hàng năm luôn hoàn thành vượt số giờ giảng theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sử dụng thành thạo tiếng Pháp (tốt nghiệp thạc sĩ tại Viện Tin học sử dụng tiếng Pháp và tốt nghiệp tiến sĩ tại Cộng hòa Pháp).

Tham gia xây dựng và điều chỉnh nhiều chương trình đào tạo bậc đại học (Kỹ thuật phần mềm, Công nghệ thông tin) và bậc tiến sĩ (Hệ thống thông tin), chủ trì 3 đề tài nghiên cứu khoa học cấp Tỉnh/Bộ đã được nghiệm thu.

Đã chủ trì / tham gia biên soạn và xuất bản 7 giáo trình, đồng chủ trì biên soạn và xuất bản 1 sách chuyên khảo về lĩnh vực công nghệ thông tin trong hỗ trợ ra quyết định về giáo dục, nông nghiệp, thủy sản và môi trường vùng Đồng bằng sông Cửu Long phục vụ cho đào tạo từ trình độ thạc sĩ trở lên.

Là tác giả chính của 12 công trình nghiên cứu khoa học được xuất bản trên các tạp chí quốc tế có uy tín (ISI và Scopus).

Đã hướng dẫn chính 2 nghiên cứu sinh bảo vệ thành công luận án tiến sĩ năm 2019 và 2020.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 23 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/ BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1								
2								
3								
03 năm học cuối								
4	2018-2019	1	0			690	218	908/1018/460
5	2019-2020	2	0			960	210	1170/1263/460
6	2020-2021	2	0			930	45	975/1086/460

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT *ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.*

3. Ngoại ngữ:

. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Pháp

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☑

- Học ĐH ☐; Tại nước: .....; Từ năm ..... đến năm.....

- Bảo vệ luận văn ThS ☐ hoặc luận án TS ☑ hoặc TSKH ☐; tại nước: Cộng hòa Pháp năm 2006.

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng:..... ; năm cấp: .....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☑

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: Tiếng Pháp.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước): Học viện công nghệ Campuchia (ITC) .....

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải: .....

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): ……...

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/ BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ … đến …	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
1	Phan Quốc Nghĩa	x		x		08/2014 đến 08/2018	Trường Đại học bách khoa – Đại học Đà Nẵng	10/06/2019
2	Phan Phương Lan	x		x		01/2016 đến 01/2020	Trường Đại học bách khoa – Đại học Đà Nẵng	07/07/2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang … đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận PGS						
1	Nhập môn Công nghệ phần mềm	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2011	2	VC		1510/GXN-ĐHCT (23/07/2021)
II	Sau khi được công nhận PGS						
2	Công nghệ thông tin trong hỗ trợ ra quyết định về giáo dục, nông nghiệp, thủy sản và môi trường vùng Đồng	CK	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2016	2	CB		1517/GXN-ĐHCT (23/07/2021)

	bằng sông Cửu Long						
3	Mô hình hóa quyết định	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2014	3	VC		1511/GXN-ĐHCT (23/07/2021)
4	Bảo trì phần mềm	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2014	2	VC		1512/GXN-ĐHCT (23/07/2021)
5	Kiến trúc và Thiết kế phần mềm	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2015	4	CB		1513/GXN-ĐHCT (23/07/2021)
6	Quản lý dự án phần mềm	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2015	3	CB		1516/GXN-ĐHCT (23/07/2021)
7	Thiết kế web	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2018	2	CB		1517/GXN-ĐHCT (23/07/2021)
8	Kỹ thuật dự báo	GT	Nhà xuất bản Đại học Cần Thơ, năm 2019	2	VC		1515/GXN-ĐHCT (23/07/2021)

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS: 1 (số thứ tự 2)……..

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang…. đến trang…… (ví dụ: 17-56; 145-329).

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận PGS				
1	Xây dựng hệ thống thông tin quản lý hành chính phục vụ lãnh đạo cấp huyện, tỉnh	CN	09/2010/HĐ-ĐT, cấp Tỉnh	01/06/2010 đến 30/06/2011	(30/06/2011) / Khá

II	Sau khi được công nhận PGS				
2	Xây dựng mô hình ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ phát triển nông nghiệp và công nghiệp nông thôn	CN	11.2010 .ĐT.CNTT, cấp Tỉnh	01/06/2010 đến 31/05/2012	(31/05/2013) / Khá
3	Tối ưu hóa mạng giám sát rầy nâu sử dụng bẫy đèn tự động tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long	CN	B2014-16-32, cấp Bộ	04/04/2014 đến 03/05/2018	(03/05/2018) / Khá

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế): 120 bài báo khoa học.

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Năm công bố
Trước khi được công nhận PGS								
1	A data analysis approach for evaluating the behavior of interestingness measures	3	C	(LNCS) Discovery Science [ISSN 0302-9743]	Q2 - Scopus		3735, 330-337	2005
2	ARQAT: plateforme exploratoire pour la qualité des règles d'association	3	C	(RNTI) Revue des Nouvelles Technologies de l'Information [ISSN 1764-1667]	Scopus		RNTI-E-6, 415-420	2005
3	Une plateforme exploratoire pour la qualité des règles d'association : apports pour l'analyse implicative	3	C	(QRDM) Quaderni Di Ricerca In Didattica [ISSN 1592-5137]			2, 15, 339-349	2005

4	Clustering interestingness measures with positive correlation	3	C	ICEIS 2005: Proceedings of the 7th International Conference on Enterprise Information Systems [ISBN 972-8865-19-8]			248-253	2005
5	Extracting representative measures for the post-processing of association rules	3	C	RIVF 2006: Proceedings of the 2006 IEEE International Conference on Research, Innovation and Vision for the Future [ISBN 1-4244-0316-2]	Scopus		100-106	2006
6	Evaluating interestingness measures with linear correlation graph	3	C	(LNCS) Advances in Applied Artificial Intelligence [ISSN 0302-9743]	Q2 - Scopus		4031, 312-321	2006
7	A graph-based approach for comparing interestingness measures	3	C	ICEIS 2006: Proceedings of the First IEEE International Conference on Engineering of Intelligent Systems [ISBN 1-4244-0456-8]	Scopus		1-6	2006
8	Discovering the stable clusters between interestingness measures	3	C	ICEIS 2006: Proceedings of the 8th International Conference on Enterprise Information Systems [ISBN 972-8865-41-4]			196-201	2006
9	Comparaison des mesures d'intérêt de règles d'association : une approche basée sur des graphes de corrélation	3	C	(RNTI) Revue des Nouvelles Technologies de l'Information [ISSN 1764-1667]	Scopus		RNTI-E-6, 549-560	2006
10	A graph-based clustering approach to evaluate interestingness measures: A tool and a comparative study	6	C	(SCI) Quality Measures in Data Mining [ISSN 1860-949X]	Q4 - Scopus		43, 25-50	2007

11	Đánh giá sự phân cụm bền vững của các độ đo lợi ích trên các luật kết hợp ứng với hệ số tương quan Kendall	4	C	@ 2007: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ X "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			1-10	2007
12	Finding the most interesting association rules by aggregating objective interestingness measures	3	K	(LNCS) Knowledge Acquisition: Approaches, Algorithms and Applications [ISSN 0302-9743]	Q2 - Scopus		5465, 40-49	2008
13	Ranking objective interestingness measures with sensitivity values	4	C	(VNUJS) VNU Journal of Science, Natural Sciences and Technology [ISSN 0866-8512]			24, 2, 122-132	2008
14	On interestingness measure interaction	3	K	RIVF 2008: Proceedings of the 2008 IEEE International Conference on Research, Innovation and Vision for the Future in Computing & Communication Technologies [ISSN 1242- 5125] ENST S			1-6	2008
15	Improving the postprocessing of association rules with aggregated interestingness values	3	K	(VJST) Vietnam Journal of Science and Technology [ISSN 2525-2518]			46, 5A, 113-126	2008
16	An agent-based approach to the simulation of brown plant hopper (BPH) invasions in the Mekong Delta	3	K	RIVF 2010: Proceedings of the 2010 IEEE International Conference on computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future [ISBN 978-1-4244-8075-3]	Scopus		1-6	2010

17	Dự báo né rầy theo thời gian	3	K	@ 2010: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ X "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			1-13	2010
18	Modeling and simulation of shrimp diseases propagation in river networks and inside pond	3	K	(VJST) Vietnam Journal of Science and Technology [ISSN 2525-2518]			48, 4, 62-72	2010
19	Modeling the brown plant hoppers surveillance network using agent-based model: application for the Mekong Delta region	4	K	SoICT 2011: Proceedings of the Second ACM Symposium on Information and Communication Technology [ISBN 978-1-4503-0880-9]	Scopus		127-136	2011
20	On weather affecting to brown plant hopper invasion using an agent-based model	4	K	MEDES 2011: Proceedings of the ACM International Conference on Management of Emergent Digital EcoSystems [ISBN 978-1-4503-1047-5]	Scopus		150-157	2011
21	Estimating the density of brown plant hoppers from a light-traps network based on unit disk graph	4	K	(LNCS) Active Media Technology [ISSN 0302-9743]	Q2 - Scopus		6890, 276-287	2011
22	On segmentation of interaction values	3	K	(SCI) Developing Concepts in Applied Intelligence [ISSN 1860-949X]	Q4 - Scopus		363, 27-32	2011
23	Phân lớp các độ đo hấp dẫn khách quan	2	C	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ [ISSN 1859- 333]			20, a, 147-158	2011

24	Tiếp cận đa tác tử trên môi trường hệ thống thông tin địa lý mô phỏng sự lan truyền dịch bệnh cá tra	3	K	(JICT) Tạp chí Công nghệ Thông tin & Truyền thông [ISSN 1859- 3526]			V-1, 6(26), 32-44	2011
25	Mô phỏng sự lan truyền bệnh gan thận mủ trên cá tra theo đa cấp độ	3	K	@ 2011: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XIV "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			225-237	2011
26	Mô phỏng lượng xe du lịch theo tour	3	K	@ 2011: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XIV "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			216-224	2011
27	Spatial estimator of brown plant hopper density from light traps data	4	K	RIVF 2012: Proceedings of the 2012 IEEE International Conference on computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future [ISBN 978-1-4673-0307-1]	Scopus		1-6	2012
28	Simulation of salinity intrusion in the context of the Mekong Delta region (Vietnam)	3	K	RIVF 2012: Proceedings of the 2012 IEEE International Conference on computing & Communication Technologies, Research, Innovation, and Vision for the Future [ISBN 978-1-4673-0307-1]	Scopus		1-4	2012
29	Modeling a surveillance network based on unit disk graph technique – Application for monitoring the invasion of insects in Mekong Delta region	4	K	(LNCS) Principles and Practice of Multi-Agent Systems [ISSN 0302-9743]	Q2 - Scopus		7455, 228-242	2012

30	Upscaling and assessing information of agriculture indicators in agent-based assessment model from field to region scale	3	K	KSE 2012: Proceedings of the Fourth IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering [ISBN 978-0-7695-4760-2]	Scopus		136-142	2012
31	Dynamic evaluating rice pest risk state of decision maker agents in rice pest management model	3	K	EMS 2012: Sixth IEEE UKSim/AMSS European Symposium on Computer Modeling and Simulation [ISBN 978-0-7695-4926-2]	Scopus		39-47	2012
32	Toward an agent-based multi-scale recommendation system for brown plant hopper control	3	K	EMS 2012: Sixth IEEE UKSim/AMSS European Symposium on Computer Modeling and Simulation [ISBN 978-0-7695-4926-2]	Scopus		9-14	2012
33	Modelling multi-criteria decision making ability of agents in agent-based rice pest risk assessment model	3	K	(LNCS) Active Media Technology [ISSN 0302-9743]	Q2 - Scopus		7669, 134-144	2012
34	Assessing rice area infested by brown plant hopper using agent-based and dynamically upscaling approach	3	K	(LNCS) Intelligent Information and Database Systems [ISSN 0302-9743]	Q2 - Scopus		7196, 43-52	2012
35	Ứng dụng kỹ thuật phân rã ma trận đa quan hệ trong xây dựng hệ trợ giảng thông minh	2	K	@ 2012: Hội thảo khoa học quốc gia lần thứ XV "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			470-477	2012
36	Designing multicriteria decision making agents in agent-based model for rice pest risk management	3	K	CIMSim 2012: The Fourth IEEE International Conference on Computational Intelligence, Modelling and Simulation	Scopus		88-93	2012

				[ISBN 978-0-7695-4871-5]				
Sau khi được công nhận PGS								
37	Optimizing an environmental surveillance network with Gaussian process entropy – An optimization approach by agent-based simulation	4	K	(FAIA) Advanced Methods and Technologies for Agent and Multi-Agent Systems [ISSN 0922-6389]	Q3 - Scopus		252, 102-111	2013
38	Mô phỏng diễn biến ngập dưới tác động của lượng mưa tại Đồng bằng sông Cửu Long	3	K	@ 2013: Hội thảo quốc gia lần thứ XVI: "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			174-181	2013
39	Đánh giá kết quả học tập của sinh viên dựa trên tiếp cận trung bình trọng số kết hợp với trung bình trọng số được sắp thứ tự	2	K	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ [ISSN 1859- 333]			47-55	2013
40	Dự báo ngắn hạn lưu lượng gọi vào trung tâm tiếp nhận cuộc gọi	3	K	FAIR 2013: Kỷ yếu Hội nghị KHCN quốc gia lần thứ VI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			122-129	2013
41	Mô phỏng sự kiểm soát quá trình phát triển của quần thể rầy nâu bằng cách sử dụng nấm Metarhizium trên đồng ruộng	3	K	FAIR 2013: Kỷ yếu Hội nghị KHCN quốc gia lần thứ VI về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			472-483	2013
42	Mô phỏng sự phát tán rầy nâu dưới sự tác động của côn trùng thiên địch	3	K	FAIR 2014: Kỷ yếu Hội nghị KHCN quốc gia lần thứ VII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng Công nghệ thông tin			284-297	2014
43	A Bayesian network approach for forecasting bacillus necrosis pangasius disease on the shark catfish	4	C	FAIR 2014: Kỷ yếu Hội nghị Quốc gia lần thứ VII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			1-11	2014

44	Xác định cấp độ cháy rừng với luật quyết định đa trị	3	K	@ 2014: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XVII "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			402-408	2014
45	Mô hình đồ thị tìm kiếm vị trí địa lý dựa trên cấu trúc Balltree	2	K	@ 2014: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XVII "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			116-123	2014
46	Forecasting white spot disease on black tiger prawns using Bayesian networks	3	C	NICS 2014: Proceedings of the First NAFOSTED Conference on Computer Science			359-370	2014
47	Synchronous networks for insects surveillance	4	K	SoICT 2015: Proceedings of the Sixth ACM International Symposium on Information and Communication Technology [ISBN 978-1-4503-3843-1]	Scopus		163–170	2015
48	The coverage model for the forest fire detection based on the wireless sensor network	4	C	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications [ISSN 1867-8211]	Q4 - Scopus		165, 187-197	2015
49	Forecasting the brown plant hopper infection levels using set-valued decision rules	4	C	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications [ISSN 1867-8211]	Q4 - Scopus		165, 177-186	2015
50	Classifying objective interestingness measures based on the tendency of value variation	4	K	(QRDM) Quaderni di Ricerca in Didattica [ISSN 1592-4424]			25, 1, 143-172	2015
51	Đánh giá việc phân cụm các độ đo lợi ích dựa trên ma trận giá trị tương tác	3	C	FAIR 2015: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			152-164	2015

52	Đánh giá chất lượng luật quyết định đa trị dựa trên tiếp cận hàm ý thống kê	3	K	FAIR 2015: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ VIII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			119-129	2015
53	Bẫy đèn rầy nâu tự động	7	K	(CTUJS) Tạp chí Khoa học -Trường Đại học Cần Thơ [ISSN 1859-2333]			168-178	2015
54	Hệ tư vấn dựa trên khuynh hướng biến thiên hàm ý thống kê	2	K	@ 2015: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XVIII về "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			93-99	2015
55	Mô phỏng quá trình ngập địa hình với sự tác động của thủy triều và lượng mưa tại vùng Đồng bằng sông Cửu Long	2	K	@ 2015: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XVIII về "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			136-141	2015
56	IoT services for solving critical problems in Vietnam: A research landscape and directions	8	K	(IIC) IEEE Internet Computing [ISSN 1941-0131]	SCIE IF: 2.891		20, 5, 76 - 81	2016
57	Association-based recommender system using statistical implicative cohesion measure	4	K	KSE 2016: Proceedings of the Eighth IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering [ISBN 978-1-4673-8930-3]	Scopus		144-149	2016
58	A parallel algorithm for determining the communication radius of an automatic light trap based on balltree structure	4	K	KSE 2016: Proceedings of the Eighth IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering [ISBN 978-1-4673-8930-3]	Scopus		139-143	2016
59	Improving quality of Vietnamese text	4	K	(IJACSA) International Journal of Advanced	ESCI		7, 2, 362-366	2016

	summarization based on sentence compression			Computer Science and Applications [ISSN 2156-5570]				
60	Statistical implicative similarity measures for user-based collaborative filtering recommender system	3	K	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications [ISSN 2156-5570]	ESCI		7, 11, 140-146	2016
61	Interestingnesslab: A framework for developing and using objective interestingness measures	6	K	(AISC) Advances in Information and Communication Technology [ISSN 2194-5357]	Q3 - Scopus		538, 302-311	2016
62	Hệ tư vấn lọc cộng tác theo người dùng dựa trên độ đo hàm ý thống kê	4	K	FAIR 2016: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ IX về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			231-239	2016
63	Tư vấn lọc cộng tác dựa trên người sử dụng dùng phép đo gắn kết hàm ý thống kê	4	K	FAIR 2016: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ IX về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			752-760	2016
64	A novel approach for accessing semantic data by translating RESTful/JSON commands into SPARQL messages	3	K	(TSPC) IEIE Transactions on Smart Processing and Computing [ISSN 2287-5255]	Q4 - Scopus		5, 3, 222-229	2016
65	Xác định số lượng rầy nâu trưởng thành dựa trên đặc trưng SIFT	4	K	FAIR 2016: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ IX về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			836-845	2016
66	A morphological approach to counting BPH in light-trap images with overlapping individuals	3	K	ACOMP 2017: Proceedings of the 2017 IEEE International Conference on Advanced Computing and Applications	Scopus		10-15	2017

				[ISBN 978-1-5386-0607-0]				
67	Système de recommandation basé sur des mesures implicatives fortes	4	K	ASI 2017: Analyse Statistique Implicative - Points de vue conceptuels, applicatifs et métaphoriques [ISBN 978-2-9562045-1-0]			506-529	2017
68	Recommended based on asymmetric user relations using TIMP (temporal implicative) measure	4	K	ASI 2017: Analyse Statistique Implicative - Points de vue conceptuels, applicatifs et métaphoriques [ISBN 978-2-9562045-1-0]			491-505	2017
69	Wireless sensor network-based monitoring, cellular modelling and simulations for the environment	5	K	(ASJ) ASM Science Journal [ISSN 2682-8901]	Q4 - Scopus		56-63	2017
70	Mô phỏng ảnh hưởng của nước biển dâng xâm lấn đến khu vực sản xuất nông nghiệp tại Đồng bằng sông Cửu Long	4	K	FAIR 2017: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			1-13	2017
71	Tư vấn dựa trên độ biến thiên của chỉ số hàm ý trong trường hàm ý thống kê	3	K	FAIR 2017: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			938-950	2017
72	Hệ tư vấn dựa trên độ đo cường độ hàm ý và trách nhiệm	3	K	FAIR 2017: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ X về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			256-265	2017
73	Tư vấn lọc cộng tác theo mục dựa trên độ biến thiên chỉ số hàm ý theo yếu tố phản ví dụ trong trường hàm ý	3	K	@ 2017: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XX "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			372-379	2017

74	Tư vấn lai ghép dựa trên các độ đo hàm ý thống kê	3	K	(CTUJS) Tạp chí Khoa học - Trường Đại học Cần Thơ [ISSN 1859-2333]			CNTT2017, 25-33	2017
75	Collaborative recommendation based on statistical implication rules	3	K	(JCC) Journal of Computer Science and Cybernetics [ISSN 1813-9663]			33, 3, 247-262	2017
76	Similarity kernel for user-based collaborative filtering recommendation system	3	K	RIVF 2016 : Addendum Proceedings of the 2016 IEEE International Conference on Research, Innovation and Vision for the Future in Computing & Communication Technologies			40-46	2017
77	User-based recommender systems using implicative rating measure	3	K	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications [ISSN 2158-107X]	Scopus		8, 11, 37-43	2017
78	Cellular simulation for distributed sensing over complex terrains	3	K	(S) Sensors [ISSN 1424-8220]	SCIE IF 3.576		18,7, 2323	2018
79	Depth learning with convolutional neural network for leaves classifier based on shape of leaf vein	4	K	(LNCS) Intelligent Information and Database Systems [ISSN 0302-9743]	Q2 - Scopus		10751 565-575	2018
80	Context-aware recommendation with objective interestingness measures	4	K	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications, and Nature of Computation and Communication [ISSN 1867-8211]	Q4 - Scopus		266, 150-162	2018
81	Shallow and deep learning architecture for	5	K	KSE 2018: Proceedings of the 10th IEEE International Conference	Scopus		335-340	2018

	pests identification on pomelo leaf			on Knowledge and Systems Engineering [ISBN 978-1-7281-4510-5]				
82	Simulating the irrigation operations with cellular automata	5	C	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications, and Nature of Computation and Communication [ISSN 1867-8211]	Q4 - Scopus		266, 195-210	2018
83	Implicative rating- based hybrid recommendation systems	3	K	(IJMLC) International Journal of Machine Learning and Computing [ISSN 2010-3700]	Scopus Q4		8, 3, 223-228	2018
84	Solution for ordered weighted averaging operator for making in the interaction multi- criteria decision in user-based collaborative filtering recommender system	4	K	(IJMLC) International Journal of Machine Learning and Computing [ISSN 2010-3700]	Scopus Q4		8, 4, 45-49	2018
85	Collaborative filtering recommendation in the implication field	3	K	(IJMLC) International Journal of Machine Learning and Computing [ISSN 2010-3700]	Scopus Q4		8, 3, 215-222	2018
86	Recommendation using rule based implicative rating measure	3	K	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications [ISSN 2156-5570]	Scopus		9, 4, 176-181	2018
87	Hệ tư vấn dựa trên mục bằng tiếp cận hàm ý thống kê	3	K	@2018: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXII "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			131-136	2018
88	Distributed framework for automating opinion discretization from text corpora on Facebook	5	C	(IA) IEEE Access [ISSN 2169-3536]	SCIE IF 4.098		7, 78675 - 78684	2019

89	A model for real-time traffic signs recognition based on the YOLO algorithm – A case study using Vietnamese traffic signs	5	K	(LNCS) Future Data and Security Engineering [ISSN 0302-9743]	Q2 - Scopus		11814 104-116	2019
90	Dissolved oxygen simulation of catfish pond with cellular automata	6	C	KSE 2019: Proceedings of the 11th IEEE International Conference on Knowledge and Systems Engineering [ISBN 978-1-7281-4510-5]	Scopus		1-10	2019
91	Aspect extraction with bidirectional GRU and CRF	3	K	RIVF 2019: Proceedings of the 2019 IEEE International Conference on Computing and Communication Technologies [ISBN 978-1-5386-9313-1]	Scopus		1-5	2019
92	CDNN model for insect classification based on deep neural network approach	5	K	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications and Nature of Computation and Communication [ISSN 1867-8211]	Q4 - Scopus		298 127-142	2019
93	Predicting of flooding in the Mekong Delta using satellite images	6	C	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications, and Nature of Computation and Communication [ISSN 1867-8211]	Q4 - Scopus		298 143-156	2019
94	Text classification based on keywords with different thresholds	4	K	ICIIT 2019: Proceedings of the 4th ACM International Conference on Intelligent Information Technology	Scopus		101-106	2019

				[ISBN 978-1-4503-6633-5]				
95	A developing method for distributed sensing systems	3	K	ICMLSC 2019: Proceedings of the 3rd ACM International Conference on Machine Learning and Soft Computing [ISBN 978-1-4503-6612-0]	Scopus		210-214	2019
96	Simulating the spreading of brown plant hoppers based on cellular automata	5	C	(CCPE) Concurrency Computation Practice and Experience [ISSN 1532-0634]	SCIE IF 1.167		33, 2, e5261:1-9	2019
97	Automated pneumonia detection in x-ray images via depthwise separable convolution based learning	3	K	FAIR 2019: Kỷ yếu Hội nghị KHCN Quốc gia lần thứ XII về Nghiên cứu cơ bản và ứng dụng CNTT			32-40	2019
98	Coastline erosion and accretion discovering	2	K	@ 2019: Kỷ yếu Hội thảo quốc gia lần thứ XXII "Một số vấn đề chọn lọc của CNTT&TT"			60-64	2019
99	Genres and actors/actresses as interpolated tags for improving movie recommender systems	6	K	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications [ISSN 2156-5570]	Q3 - Scopus		11,2, 67-74	2020
100	Plant identification using new architecture convolutional neural networks combine with replacing the red of color channel image by vein morphology leaf	4	K	(VJCS) Vietnam Journal of Computer Science [ISSN: 2196-8896]			7, 2, 197-208	2020
101	Context-similarity collaborative filtering recommendation	7	C	(IA) IEEE Access [ISSN 2169-3536]	SCIE IF 4.098		8 33342 - 33351	2020

102	Plant species identification from leaf patterns using histogram of oriented gradients feature space and convolution neural networks	4	K	Journal of Information and Telecommunication [ISSN 2475-1839]			4, 2, 140-150	2020
103	BPH sensor network optimization based on cellular automata and honeycomb structure	8	C	(MONET) Mobile Networks and Applications [ISSN 1572-8153]	SCIE IF 3.426		25, 1140 -1150	2020
104	Recommender systems using collaborative tagging	7	K	(IJDWM) International Journal of Data Warehousing and Mining [ISSN 1548-3932]	SCIE IF 0.968		16, 3, 183-200	2020
105	Recommender systems based on resonance relationship of criteria with Choquet operation	5	C	(IJDWM) International Journal of Data Warehousing and Mining [ISSN 1548-3932]	SCIE IF 0.968		16,4, 44-62	2020
106	Binning approach based on classical clustering for type 2 diabetes diagnosis	5	K	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications [ISSN 2156-5570]	Q3 - Scopus		11, 3, 630-637	2020
107	Effective opinion words extraction for food reviews classification	4	K	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications [ISSN 2156-5570]	Q3 - Scopus		11, 7, 421-426	2020
108	A Convolutional Neural Network on X-Ray Images for Pneumonia Diagnosis	4	C	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications, and Nature of Computation and Communication [ISSN 1867-822X]	Q4 - Scopus		343, 203-215	2020
109	Abnormality Bone Detection in X-Ray Images Using	4	C	(LNICST) Context-Aware Systems and Applications, and Nature	Q4 - Scopus		343, 31-43	2020

	Convolutional Neural Network			of Computation and Communication [ISSN 1867-822X]				
110	An Approach for Skin Lesions Classification with a Shallow Convolutional Neural Network	4	C	(CCIS) Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications [ISSN 1865-0929]	Q4 - Scopus		1306, 265-280	2020
111	Genome-Wide Association Analysis for Oat Genetics Using Support Vector Machines	4	C	(CCIS) Future Data and Security Engineering. Big Data, Security and Privacy, Smart City and Industry 4.0 Applications [ISSN 1865-0929]	Q4 - Scopus		1306, 452-460	2020
112	Collaborative Filtering Recommendation Based on Statistical Implicative Analysis	4	C	(CCIS) Advances in Computational Collective Intelligence [ISSN 1865-0929]	Q4 - Scopus		1287, 224-235	2020
113	A Data Conversion Approach Between GAMA and DIGIPLANT Simulating Rice Plant Growth Under Brown Planthopper Infestation	4	C	(LNCS) Computational Data and Social Networks [ISSN 0302-9743]	Q3 - Scopus		12575 87-99	2020
114	Interpretable Machine Learning for Meteorological Data	4	K	ICMLSC 2021: Proceedings of the 5th ACM International Conference on Machine Learning and Soft Computing [ISBN 978-1-4503-8761-3]	Scopus		11-17	2021
115	Developing Vietnamese Sentiment Lexicon from Social Reviews Corpus Based on Support Measurement	4	K	(LNNS) Intelligent Systems and Networks [ISSN 2367-3370]	Q4 - Scopus		243 52-58	2021

116	Brown Planthopper Sensor Network Optimization Based on Climate and Geographical Factors using Cellular Automata Technique	6	C	(MONET) Mobile Networks and Applications [ISSN 1572-8153]	SCIE IF 3.426		26, 1311-1328	2021
117	Modeling population dynamics for information dissemination through Facebook	5	C	(CCPE) Concurrency and Computation – Practice and Experience [ISSN1532-0634]	SCIE IF 1.536		e6333	2021
118	Gene family abundance visualization based on feature selection combined deep learning to improve disease diagnosis	7	C	(JETS) Journal of Engineering and Technological Sciences [ISSN 2338-5502]	Q3 - Scopus		53, 1, 1-17	2021
119	Maneuverable Autonomy of a Six-legged Walking Robot: Design and Implementation using Deep Neural Networks and Hexapod Locomotion	5	C	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications [ISSN 2156-5570]	Q3 - Scopus		12, 6 830-839	2021
120	Vietnamese Short Text Classification via Distributed Computation	4	C	(IJACSA) International Journal of Advanced Computer Science and Applications [ISSN 2156-5570]	Q3 - Scopus		12, 7 23-31	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 13 (88, 96, 99, 101, 103, 105, 106, 107, 116, 117, 118, 119, 120).

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố *(Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)*

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
…							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
…							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS: ……..…

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/ đồng tác giả	Số tác giả
1					
2					
…					

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): ……

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1					
2					
...					

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự): ..…….

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Công nghệ thông tin (Kỹ sư) – Cải tiến chương trình đào tạo	Tham gia	260/CNTT, 15/09/2003	Trường Đại học Cần Thơ	260/CNTT, 15/09/2003	Hệ chính quy
2	Nhóm nghiên cứu liên ngành DREAM (Decision-support Research for Environmental Applications and Models)	Tham gia	2905/QĐ-ĐHCT, 25/11/2010	Trường Đại học Cần Thơ	2905/QĐ-ĐHCT, 25/11/2010	Kết hợp với Viện nghiên cứu phát triển Pháp (IRD)
3	Ban cố vấn đề án Tái cơ cấu ngành nông nghiệp	Tham gia	2330/QĐ-ĐHCT, 25/06/2015	Trường Đại học Cần Thơ	2330/QĐ-ĐHCT, 25/06/2015	Tư vấn cho các tỉnh vùng Đồng bằng sông Cửu Long
4	Hệ thống thông tin (Tiến sĩ)	Tham gia	1655/QĐ-ĐHCT, 03/06/2015	Trường Đại học Cần Thơ	566/QĐ-BGDĐT, 23/02/2016	Hệ chính quy
5	Kỹ thuật phần mềm (Kỹ sư) - Sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo	Tham gia	4235/QĐ-ĐHCT, 26/09/2018	Trường Đại học Cần Thơ	4235/QĐ-ĐHCT, 26/09/2018	Hệ chính quy
6	Hệ thống thông tin (Tiến sĩ) – Sửa đổi, bổ sung chương trình đào tạo	Tham gia	1771/QĐ-ĐHCT, 04/06/2019	Trường Đại học Cần Thơ	1771/QĐ-ĐHCT, 04/06/2019	Hệ chính quy

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): ……

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): …….

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): ……

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH,CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

……

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu: …….

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (ƯV chức danh GS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

……

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (ƯV chức danh PGS) ☐

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

……...

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH ☐; 04 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH ☐

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc ƯV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: ……

Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo: …….

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo: ……

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

TP. Cần Thơ , ngày 28 tháng 07 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

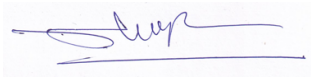

Huỳnh Xuân Hiệp